

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/HSST
Ngày: 17/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Q.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn B.

2. Ông Nguyễn Văn Đ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh T, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Giang Anh T, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN THÀNH T, Sinh năm: 1995 tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi ĐKTT: Khu phố 10, phường T, thành phố P, tỉnh B;

Chỗ ở: thôn T, xã L, thành phố P, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phi K và bà Lê Thị Kim H. Chưa có vợ, con.

Tiền án:

Ngày 13/5/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 77/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2018.

Ngày 07/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 154/2019/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2021.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 25/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 18 tháng tù về tội “Chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 174/2012/HSST.

Ngày 22/3/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 20/2013/HSST. Tổng hợp với 18 tháng tù của Bản án số 174/2012/HSST của Tòa án nhân dân thành phố P là 30 tháng tù, Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2015.

Ngày 05/12/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 219/2022/HSST, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 11/01/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 03 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” tại Bản án số 13/2023/HSST, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09/02/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 29/2023/HSST, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam X, xã H, huyện Đ, tỉnh Y. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Lê Thị V, sinh năm 1992. Trú tại khu phố 1, phường N, thành phố P, tỉnh B (vắng mặt).

Nguyễn L, sinh năm 1990. Trú tại thôn T, xã C, huyện B, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ ngày 28/02/2022 đến ngày 29/3/2022, Nguyễn Thành T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/02/2022, Nguyễn Thành T gặp một người thanh niên (không rõ nhân thân) tại khu phố 6, phường T, thành phố P, do thiếu tiền tiêu xài nên T đã rủ người này đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp thì người này đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô (không rõ nhãn hiệu, biển số) của người này rồi cả hai đi từ trung tâm thành phố T ra hướng phường M để trộm cắp tài sản. Khi cả hai đến trước số nhà 122 đường C thuộc khu phố 1, phường T, thành phố P thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số **L3 - 3876 của chị Lê Thị V (sinh năm 1901, trú tại khu phố 1, phường M, thành phố P) đang dựng ở trước cửa, xung quanh không có người trông coi. Lúc này, T nói với người thanh niên ngồi lên xe để cảnh giới rồi T lén lút tiếp cận chiếc xe mô tô trên rồi dùng đoạn phá khóa chuẩn bị từ trước mở khóa xe mô tô biển số **L3 – 3876 rồi cả hai tẩu thoát.

Sau khi trộm cắp được tài sản, T điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, biển số **L3 - 3876 trên đến gặp Phan N (sinh năm 1997, trú tại khu phố E, phường H, thành phố P) để cầm thế. Khi gặp N thì T nói chiếc xe mô tô trên là của người nhà do cần tiền nên đem đi cầm thế, nghe vậy N đồng ý cầm thế cho T với giá 2.000.000 đồng nhưng chỉ đưa cho T 1.800.000 đồng sau khi đã trừ tiền lãi lần đầu. Số tiền này T đưa cho người thanh niên đi cùng 900.000 đồng, 900.000 đồng còn lại T đã tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 28/2/2022 chị Lê Thị V đã đến Công an phường T trình báo vụ việc.

Vật chứng vụ án:

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám bạc, biển số **L3 - 3876, số máy: 5C63 - 374590, số khung: C630AY374534.

(Thu giữ tại nhà của Phan N)

Tại Kết luận định giá số 80/KL-HĐĐG ngày 16/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám bạc, biển số **L3 - 3876, số máy: 5C63 - 374590, số khung: C630AY374534 trị giá 5.700.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố P đã xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu. Bị hại Lê Thị V đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 17 giờ ngày 29/3/2022, do thiếu tiền tiêu xài nên Nguyễn Thành T đi bộ trên các tuyến đường thuộc phường T, thành phố P tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi T đi qua Bệnh viện đa khoa tỉnh B thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Nouvo, biển số **C1 - 034.79 của anh Nguyễn Tuấn L (sinh năm 1988, trú tại thôn M, xã C, huyện B, tỉnh B) đang dựng ngoài sân gần khu vực khoa ngoại thần kinh lồng ngực, xung quanh không có người trông coi, T lén lút tiếp cận chiếc xe mô tô trên nối dây điện mở khóa rồi nổ máy tẩu thoát.

Sau khi trộm cắp được tài sản, T điều khiển xe mô tô trên đến gặp Phan N để cầm thế nhưng do đang đi công việc nên N đã nhờ Nguyễn H (sinh năm 1998, trú tại khu phố 1, phường H, thành phố P) nhận cầm thế giúp thì H đồng ý. Khi gặp H thì T nói xe mô tô biển số trên của người nhà cần tiền, nghe vậy H đồng ý cầm thế cho T với giá 1.000.000 đồng và đưa cho T số tiền 500.000 đồng, số tiền còn lại thì H sẽ đưa cho T sau. Đến ngày 30/3/2022, T quay lại gặp N thì N đưa cho T số tiền 400.000 đồng là số tiền còn thiếu còn 100.000 đồng là tiền lãi thì N giữ lại, số tiền 900.000 đồng từ việc cầm thế xe T đã tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 31/3/2022 anh Nguyễn Tuấn L đã đến Công an phường T trình báo vụ việc.

Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xác định được Nguyễn Thành T là người đã lấy trộm các tài sản nêu trên nên đưa T về trụ sở làm việc và thu giữ các vật chứng có liên quan. Quá trình điều tra, T khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như nêu trên.

Vật chứng vụ án

- Thu giữ tại nhà của Phan N:

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu đen đỏ, biển số **C1 - 034.79, số máy: 5P11 - 330346, số khung: P110BY330344.

Tại Kết luận định giá số 79/KL-HĐĐG ngày 16/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu đen đỏ, biển số **C1 - 034.79, số máy: 5P11 - 330346, số khung: P110BY330344 trị giá 6.000.000 đồng .

Xử lý vật chứng:

Cơ quan CSĐT – Công an thành phố P đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho chủ sở hữu. Bị hại Nguyễn Tuấn L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với 01 chiếc đoạn phá khóa T dùng để trộm cắp xe mô tô biển số **L3-3876, sau khi trộm cắp tài sản T đã vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được .

Về dân sự: bị hại Lê Thị V và Nguyễn Tuấn L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 30/CT - VKS ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp hậu quả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T với mức hình phạt từ 15 tháng đến 21 tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp

mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù theo bản án số 13/2023/HS-ST ngày 11-01-2023 và 04 năm tù theo bản án số 29/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại Lê Thị V và Nguyễn Tuấn L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên không buộc bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo T không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thành T: sau khi phạm tội bị cáo rất ân hận về hành vi đã thực hiện mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố P, cũng như lời khai của các bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/02/2022 đến ngày 29/3/2022, Nguyễn Thành T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn phường T, thành phố P, cụ thể như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 28/02/2022, tại trước số nhà 122 đường C thuộc khu phố 1, phường T, thành phố P, Nguyễn Thành T đã cùng 01 người thanh niên (không rõ nhân thân) trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám bạc, biển số **L3 - 3876 trị giá 5.700.000 đồng của chị Lê Thị V.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/3/2022, tại sân khu vực Khoa ngoại thần kinh lồng ngực Bệnh viện đa khoa tỉnh B (thuộc khu phố 1, phường T, thành phố P), Nguyễn Thành T đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu đen đỏ trị giá 6.000.000 đồng của anh Nguyễn Tuấn L.

Hành vi của Nguyễn Thành T đã thực hiện như đã nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1

Điều 173 của Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Nguyễn Thành T vì động cơ tư lợi cá nhân đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quan hệ về quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây mất trật tự trị an ninh địa phương. Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều cấu thành tội phạm độc lập nên thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Mặt khác bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo nhân thân xấu. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám bạc, biển số **L3 – 3876 và nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu đen đỏ, biển số **C1 - 034.79, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho các bị hại. Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người thanh niên đi cùng Nguyễn Thành T trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số **L3 - 3876 vào ngày 28/02/2022, do không xác định được nhân thân nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Phan N và Nguyễn H là những người đã cầm thế tài sản cho bị cáo T nhưng không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xem xét trách nhiệm hình sự đối với N, H là có căn cứ.

[6] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 04 năm 06 tháng tù theo bản án số 13/2023/HS-ST ngày 11-01-2023 và 04 năm tù theo bản án số 29/2023/HS-ST ngày 09/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2022.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/7/2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Q